

Bản án số: 68/2023/DS-PT
Ngày: 29/3/2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH K**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kế Nghiệp.

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Triều.

Bà Trần Thị Trâm Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn.

1. Ông Hồ Thanh L, sinh năm 1975 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp R, xã T, huyện A, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Thanh L là bà Nguyễn Thị N (có mặt).

Bị đơn: Ông Ngô Văn L, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: ấp R xã T, huyện A, tỉnh K.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Ngô Văn L: Ông Mai Tấn T- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Ngô Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hồ Thanh L, bà Nguyễn Thị N trình bày:

Vào ngày 01/10/2019 vì cần tiền chi xài nên ông L hỏi vay của vợ chồng ông L và bà N 60.000.000 đồng. Khi vay tiền ông L có làm biên nhận nợ, cam kết đóng lãi đầy đủ và tranh thủ trả nợ trong thời gian sớm nhất. Đến ngày 10/10/2019 ông L

đã trả cho vợ chồng ông L bà N 30.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng. Vào ngày 30/4/2020 ông L tiếp tục vay của vợ chồng ông L bà N thêm 17.000.000 đồng và có ký biên nhận nợ. Như vậy tổng cộng ông L còn vay nợ của vợ chồng ông L bà N là 47.000.000 đồng. Khi thỏa thuận vay tiền các bên có thỏa thuận trả lãi 5%/tháng, thời gian từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 3 năm 2020 ông L có trả cho vợ chồng ông L bà N được một số tiền lãi nhưng cụ thể là bao nhiêu thì bà N không nhớ, từ tháng 4 năm 2020 (thời điểm vay 17.000.000 đồng) cho đến nay ông L không trả lãi và tiền gốc vay mặc dù vợ chồng ông L bà N nhiều lần yêu cầu ông L trả nợ.

Nay vợ chồng ông L bà N yêu cầu ông L trả nợ số tiền vay là 47.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Ngô Văn L trình bày:

Ông thừa nhận có hỏi vay của vợ chồng ông L bà N số tiền 30.000.000 đồng để đánh bài. Khi vay các bên có làm biên nhận nợ. Ông đã thực hiện đóng lãi được một thời gian thì bị bệnh không tiếp tục đóng lãi nên vợ chồng ông L và bà N đã tính lãi suất là 17.000.000 đồng và yêu cầu ông ký nhận thêm 01 tờ biên nhận nợ 17.000.000 đồng và ghi rõ là tiền lãi. Trong số nợ 47.000.000 đồng thì tiền vay là 30.000.000 đồng và 17.000.000 đồng tiền lãi cộng dồn, đồng thời ông không thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Ngoài ra ông đã đóng lãi nhiều lần nhưng việc đóng lãi không có giấy tờ biên nhận nên không có yêu cầu gì về số tiền lãi đã đóng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thanh L và bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Ngô Văn L phải hoàn trả cho ông Hồ Thanh L và bà Nguyễn Thị N số tiền 47.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ ông Hồ Thanh L và bà Nguyễn Thị N không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/8/2022 bị đơn ông Ngô Văn L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Yêu cầu được trả phần nợ gốc 20.000.000 đồng mà ông nợ ông L, bà N, còn 10.000.000 đồng lãi cộng vào gốc trước đó và lãi phát sinh là 17.000.000 đồng ông không có khả năng chi trả vì ông đã cao tuổi không còn trong tuổi lao động.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Ngô Văn L thay đổi yêu cầu kháng cáo, ông chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn ông L bà N 30.000.000 đồng, còn 17.000.000 đồng ông cho rằng tiền lãi cộng vào nợ gốc nên không đồng ý trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Thanh L tự nguyện thỏa thuận giảm cho ông L 17.000.000 đồng, chỉ yêu cầu ông L trả nợ 30.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là ông Mai Tấn T trình bày: Ông L là người có công cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn giảm một phần tiền nợ cho bị đơn theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn L.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn giảm một phần tiền nợ cho bị đơn theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn L và căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A theo hướng buộc bị đơn ông Ngô Văn L phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với khoản nợ chậm trả cho nguyên đơn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn ông Hồ Thanh L vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị N có mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Nguyên đơn ông Hồ Thanh L, bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn L trả số tiền vay gốc là 47.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Bị đơn ông L thừa nhận ông có vay tiền của ông L bà N và còn nợ của ông L, bà N 47.000.000 đồng nhưng cho rằng trong số tiền 47.000.000 đồng thì có 30.000.000 đồng là tiền vay gốc, còn lại 17.000.000 đồng là tiền lãi do nguyên đơn cộng dồn, đồng thời ông không thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn L Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào chứng cứ là “Giấy mượn tiền” do nguyên đơn cung cấp (BL 05) thể hiện ngày 01/10/2019 ông L có mượn của ông L, bà N số tiền 60.000.000 đồng. Ngày 10/10/2019 ông L trả cho ông L bà N được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng. Đến ngày 30/4/2020 ông L mượn tiếp của ông L bà N số tiền 17.000.000 đồng. Tổng cộng ông L còn nợ số tiền là 47.000.000 đồng.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều xác định trong quá trình mượn tiền thì ông L có đóng lãi theo thỏa thuận cho ông L, bà N một số tiền nhưng không xác định được cụ thể là bao nhiêu, ông L cũng không yêu cầu Tòa án xem xét lại tiền lãi đã đóng cho nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn tự nguyện giảm nợ cho bị đơn, chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền nợ là

30.000.000 đồng, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn giảm một phần tiền nợ cho bị đơn theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn L.

Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu không tính lãi trên số tiền nợ gốc, không có yêu cầu về lãi suất chậm thi hành án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên bị đơn không phải chịu lãi suất chậm thi hành án là vượt quá phạm vi khởi kiện, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó cần phải sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K, chấp nhận ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn giảm một phần tiền nợ cho bị đơn theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn L. Sửa bản án sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn L không phải chịu án phí sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Hoàn trả cho ông Hồ Thanh L, bà Nguyễn Thị N tạm ứng án phí đã nộp là 2.350.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004636 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn L không phải chịu do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Sửa bản án sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A.

Phần tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn giảm một phần tiền nợ cho bị đơn theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn L.

2. Buộc ông Ngô Văn L phải hoàn trả cho ông Hồ Thanh L và bà Nguyễn Thị N số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Hồ Thanh L, bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Ngô Văn L không trả hoặc trả không đủ số tiền cho ông L bà N thì ông L còn phải trả thêm số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền còn phải trả cho ông L bà N.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn L không phải chịu án phí sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Hoàn trả cho ông Hồ Thanh L, bà Nguyễn Thị N tạm ứng án phí đã nộp là 2.350.000 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004636 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn L không phải chịu do thuộc trường hợp người cao tuổi.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh KG.
- TAND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu (TDS).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Kế Nghiệp